

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-02-2023
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân
Huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Cao Lãnh
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng
11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16
tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc D, sinh năm 198x

Địa chỉ: tổ x, ấp x, xã Ba S, HCao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 197x

Địa chỉ: tổ x, ấp x, xã Ba S, H Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị D, anh Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2022, nguyên đơn chị Bùi Ngọc D trình
bày:**

- Về hôn nhân: Chị D và anh Th chung sống năm 2007 có đăng ký kết
hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh M, H Tháp M, tỉnh Đồng
Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm gần đây
phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chung
sống không còn hòa hợp. Thời gian qua dù đã có hàn gắn nhưng vợ chồng
không có tiếng nói chung. Nay chị D nhận thấy vợ chồng không còn tình
cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh Th, hôn nhân không có hạnh
phúc nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Th.

- Về con chung: chị D và anh Th có 01 con chung tên Trần Trần H, sinh ngày 21/6/2007 hiện đang sống chung với anh Th. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

Theo văn bản ý kiến ngày 14/02/2023, anh Trần Văn Th là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Th và chị D chung sống từ năm 2007. Thời gian sau chị D đi làm rồi bỏ đi luôn, chị D không còn chung sống với anh Th đã 04 năm. Anh Th nhận thấy cả hai không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên anh Th đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: chị D và anh Th có 01 con chung tên Trần Trần H, sinh ngày 21/6/2007 hiện đang sống chung với anh Th. Khi ly hôn anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Trần H, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Ngọc D đã cung cấp tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Giấy khai sinh của Trần Trần H (bản S);

- 01 Căn cước công dân của chị Bùi Ngọc D (bản photo);

- 01 Trích lục kết hôn của chị Bùi Ngọc D với anh Trần Văn Th (bản S);

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn Th đã cung cấp tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn chị Bùi Ngọc D với anh Trần Văn Th, ngày đăng ký 11/5/2009 do Ủy ban nhân dân xã Thanh M, H Tháp M, tỉnh Đồng Tháp cấp (bản chính).

- 01 Căn cước công dân của anh Trần Văn Th (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Bùi Ngọc D có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Trần Văn Th. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

- Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Anh Trần Văn Th là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại tổ 6, ấp 6, xã Ba S, Hện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Hện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Bùi Ngọc D và anh Trần Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh Th.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh Th chung sống từ năm 2007 có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, Hện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị D và anh Th là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chung sống không còn hòa hợp. Thời gian qua dù đã có hàn gắn nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị D nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh Th, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Th.

Anh Th thừa nhận lời trình bày của chị D về thời gian chung sống và vợ chồng có đăng ký kết hôn là đúng. Chị D và anh Th đã không còn chung sống 04 năm nay, nên anh Th đồng ý ly hôn với chị D.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị D và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị D.

- Về con chung: Chị D, anh Th thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Trần Trần H, sinh ngày 21/6/2007 hiện đang sống chung với anh Th. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Trần H, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Th cũng yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Trần H và anh Th không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị D hay cho anh Th nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D cũng như anh Th không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con chung. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy con chung tên Trần Trần H hiện đang sống với anh Th và căn cứ vào nội dung văn bản ý kiến ngày 15/12/2022 thì con chung Trần Trần H có nguyện vọng được sống với anh Th, nếu giao con chung cho chị D nuôi dưỡng thì sẽ làm thay đổi môi trường sống của cháu, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu và ảnh hưởng đến việc học tập của cháu. Do đó để con chung tên Trần Trần H, sinh ngày 21/6/2007 cho anh Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không có yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

** Về án phí:*

Chị Bùi Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Bùi Ngọc D.

- Về hôn nhân: Chị Bùi Ngọc D được ly hôn với anh Trần Văn Th.

- Về con chung: Anh Trần Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Trần H, sinh ngày 21/6/2007. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không có yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị D và anh Th không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Ngọc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014611 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí chị D đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Hện Cao Lãnh;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã Thanh M, Hện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Q).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Nhã Quyên